|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  Số: /TTr-BKHĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng**

**Quỹ Hỗ trợ đầu tư**

Kính gửi: Chính phủ

Tại mục 5 Nghị quyết số 110/2023/QH15 kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã quyết nghị: *“Đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư”.*

Tại văn bản số 41/TTg-QHĐP ngày 10 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (*sau đây gọi là dự thảo Nghị định)* như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội, cạnh tranh quốc tế**

***1.1.*** Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 đã nêu quan điểm cần: *(i)* tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm; *(ii)* lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; và (iii) ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao. Trên cơ sở đó, đã đề ra các nhiệm vụ:

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau.

- Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D).

***1.2.*** Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, tại Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg đã đưa ra các định hướng chiến lược như sau:

***-*** Tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm; lựa chọn khu vực, thị trường, đối tác để thúc đẩy hợp tác phát triển phù hợp với bối cảnh thế giới và khu vực; tái định vị dòng vốn đầu tư, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường nhiều rủi ro và tiềm ẩn xảy ra tranh chấp.

***-*** Ưu tiên việc kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; thu hút đầu tư xanh, công nghệ cao, công nghệ phụ trợ, phương pháp quản lý, quản trị tiên tiến.

***1.3.*** Tại Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XVIII về việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã yêu cầu bên cạnh chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài, chủ trương của Đảng cũng xác định vai trò quan trọng của các doanh nghiệp trong nước, cụ thể: *“Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá”.*

Tại Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân trong tình hình mới đã đưa ra định hướng về việc đẩy mạnh và phát triển những doanh nghiệp dân tộc trong các lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn, cụ thể: *“Có chính sách đột phá để hình thành, phát triển doanh nghiệp dân tộc, doanh nghiệp quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực then chốt, trọng yếu, có vị thế quan trọng trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp”.*

Để triển khai những đường lối, chủ trương đó, tại Nghị quyết 110/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã giao nhiệm vụ cho Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

### **2. Bối cảnh mới trên thế giới và sự ra đời quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu**

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, OECD đã đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế tối thiểu toàn cầu (TTTC) 15% đối với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) nhằm ngăn các tập đoàn đa quốc gia chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế[[1]](#footnote-1). Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước, trong đó có Việt Nam. Để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/02/2023, OECD đã công bố hướng dẫn chi tiết về cách thức quy định thuế TTTC vào các văn bản luật[[2]](#footnote-2) và thuế TTTC sẽ được áp dụng từ năm 2024[[3]](#footnote-3)*.*

Đến nay, hầu hết quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có các tập đoàn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, các quốc gia khu vực Châu Âu… đều đã luật hóa và áp dụng quy tắc thuế suất tối thiểu này. Theo đó, Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV và đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2024.

Thuế TTTC được áp dụng ở các quốc gia nói chung và Việt Nam nói chung đem đến tác động hết sức rõ rệt trong lĩnh vực thu hút đầu tư. Những hình thức ưu đãi đầu tư dựa trên thu nhập như miễn giảm thuế, thuế suất ưu đãi sẽ mất đi tác dụng trong bối cảnh thuế TTTC, dẫn đến nguy cơ giảm mạnh khả năng cạnh tranh trong thu hút ĐTNN. Vấn đề bao gồm cả (i) các dự án hiện hữu có thể ngừng thực hiện đầu tư mở rộng[[4]](#footnote-4) do không còn ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh với các nước về thuế và (ii) các dự án đầu tư mới sẽ khó thu hút hơn. Do đó, mục tiêu của Bộ Chính trị về thu hút vốn ĐTNN sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD)[[5]](#footnote-5).

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Báo cáo mới nhất của World Bank vừa đưa ra dự báo GDP toàn cầu năm 2024 có thể tăng 2,4%. Mức tăng trưởng này sẽ là kết quả kém nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2009, nếu loại trừ suy giảm do đại dịch vào năm 2020. Bên cạnh đó, theo Báo cáo Xu hướng đầu tư toàn cầu năm 2023 của UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022, tăng nhẹ vào năm 2023 và dự kiến cũng chỉ tăng “khiêm tốn” trong năm 2024 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

**3**. **Đánh giá hiệu quả hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành và tính cần thiết của việc ban hành chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh mới**

***3.1. Hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành***

***(1)*** Hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành được xây dựng theo nguyên tắc nhà nước sẽ miễn, giảm nghĩa vụ tài chính đối với các chủ thể kinh doanh nếu thuộc đối tượng khuyến khích đầu tư. Các nghĩa vụ tài chính được miễn, giảm bao gồm thuế TNDN; thuế nhập khẩu; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và tăng mức chi phí được trừ, thời gian khấu trừ khi tính thuế. Đối tượng khuyến khích đầu tư là ngành, nghề, địa bàn khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao và các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư lớn, doanh thu cao, sử dụng nhiều lao động, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

Các chính sách ưu đãi đầu tư trên là các biện pháp ưu đãi dựa trên thu nhập, được đưa ra ngay từ năm 1987, khi mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Sau 35 năm thực hiện và liên tục được hoàn thiện, đến nay đã hình thành hệ thống với khung pháp lý hoàn chỉnh, áp dụng chung cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn: đóng vai trò “trụ cột” đưa ra những nguyên tắc cơ bản về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

- Các Luật chuyên ngành bao gồm Luật Thuế TNDN; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn: đưa ra các hướng dẫn chi tiết về các loại thuế và ưu đãi về thuế TNDN, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất và sử dụng đất.

- Các Luật và Nghị định hướng dẫn về ưu đãi đối với lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư như Luật Công nghệ cao, Nghị định về công nghiệp hỗ trợ…

***(2)*** Ngành, nghề ưu đãi đầu tư bao gồm các ngành, nghề cần khuyến khích, theo định hướng phát triển đất nước trong từng thời kỳ, tập trung vào các ngành công nghệ cao, công nghệ ưu tiên phát triển, giáo dục, y tế, nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, … Địa bàn ưu đãi đầu tư được xây dựng theo đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn và các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

Về hình thức ưu đãi, đối với thuế TNDN, nhà đầu tư sẽ được áp dụng mức thuế suất ưu đãi bao gồm: 17%, 15%, 10%, 9%, 7% và 5% tùy thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư; nhà đầu tư cũng được áp dụng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với các mức: miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo; miễn thuế không quá bốn năm và giảm 50% không quá chín năm tiếp theo; miễn thuế không quá 06 năm và giảm 50% không quá 13 năm tiếp theo. Về nghĩa vụ tài chính về đất đai, nhà đầu tư được ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất với các mức 3 năm, 7 năm, 11 năm, 15 năm hoặc toàn bộ thời gian thuê; được miễn, giảm tiền sử dụng đất trong một số trường hợp. Về thuế nhập khẩu, nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bên cạnh ưu đãi đầu tư, pháp luật còn quy định về các biện pháp hỗ trợ đầu tư để khuyến khích đầu tư. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư bao gồm: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư thực hiện trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam nêu trên được đánh giá là cạnh tranh, nhờ đó, cùng với các thế mạnh như: tình hình kinh tế chính trị ổn định, tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, vị trí địa lý chiến lược, chi phí sản xuất cạnh tranh, nguồn lao động dồi dào, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, thị trường tiềm năng…, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút ĐTNN, với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm. Năm 2020, Việt Nam lần đầu tiên vào nhóm 20 nước thu hút ĐTNN hàng đầu thế giới, trong khi ĐTNN trên toàn cầu có xu hướng giảm. Năm 2021, vốn ĐTNN vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022, Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch. Năm 2023, vốn ĐTNN vào Việt Nam đạt 36,51 tỷ USD (tính đến ngày 20/12/2023), đây là mức cao kỷ lục trong giai đoạn 2018 – 2023.

***3.2.* Tính cần thiết của việc ban hành chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh mới**

*(i) Vấn đề bảo đảm tính ưu đãi, giữ chân và tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư lớn đang đầu tư, đầu tư mở rộng và thu hút đầu tư mới vào các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi và chuyển đổi xanh tại Việt Nam*

Do bối cảnh vừa áp dụng thuế TTTC từ đầu năm 2024, các ưu đãi miễn, giảm thuế hiện tại của nhà đầu tư lớn sẽ không còn hiệu quả, làm giảm tính hấp dẫn môi trường đầu tư tại Việt Nam, trong đó có các nhà đầu tư “đại bàng” đang đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao. Về nguyên tắc, Việt Nam có thể không có các phản ứng chính sách và giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó. Việc này sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi mà Việt Nam đã cấp sẽ là vô nghĩa với nhà đầu tư (vì mức ưu đãi này dựa trên thu nhập và không đạt chuẩn đối với quy tắc Trụ cột II do mang tính bồi hoàn với số thuế TNDN bổ sung mà Doanh nghiệp phải đóng, do đó, điều này sẽ vẫn sẽ khiến cho Doanh nghiệp phải nộp số thuế bổ sung tương ứng vớisố ưu đãi thuế được hưởng).

Đối với các doanh nghiệp lớn đang đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi và phát triển nhân lực công nghệ cao, mặc dù số lượng các doanh nghiệp này không nhiều nhưng có tác động về kinh tế-xã hội lớn, có mạng lưới doanh nghiệp phụ trợ đi kèm lên đến hàng trăm doanh nghiệp. Vì vậy, nếu không có chính sách giữ chân nhóm nhà đầu tư này thì sẽ tác động đáng kể đến môi trường đầu tư kinh doanh và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực, thế giới, cũng như trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, mặc dù tổng vốn ĐTNN trong năm 2023 có sự tăng trưởng nhưng các dự án mới có quy mô lớn đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi tại Việt Nam có xu hướng chững lại. Trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng, xuất hiện nhiều xu hướng đầu tư mới, cạnh tranh thu hút đầu tư diễn ra quyết liệt, chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam đang chưa đảm bảo tính cạnh tranh trong thu hút dự án trọng điểm vào lĩnh vực trên theo định hướng của Bộ Chính trị; chưa đa dạng, bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế ; chưa phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, thiếu tính thực tiễn ... Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng không lựa chọn Việt Nam .

Hơn nữa, việc mở rộng đầu tư của một số dự án công nghệ cao, công nghệ lõi có quy mô lớn cũng có dấu hiệu tạm ngừng, một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức về việc đang tạm dừng kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Nhóm các nhà đầu tư này đang chờ phản ứng chính sách của Việt Nam.

Do đó, việc ban hành chính sách là hết sức cấp bách để không gây xáo trộn quá lớn đối với môi trường đầu tư kinh doanh khi áp dụng thuế TTTC, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng và thu hút đầu tư mới tại Việt Nam. Chính sách này cần ban hành để có hiệu lực áp dụng trong năm tài chính 2024.

*(ii) Duy trì, thúc đẩy tạo động lực cho hoạt động đầu tư của những doanh nghiệp nội địa chiến lược, doanh nghiệp Việt Nam và Doanh nghiệp dân tộc có vai trò dẫn dắt các lĩnh vực, ngành mũi nhọn:*

Bên cạnh việc giữ chân, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, cũng cần xác định rằng các doanh nghiệp chiến lược trong nước, doanh nghiệp dân tộc dẫn dắt các lĩnh vực mũi nhọn là nguồn lực lớn trong chuỗi cung ứng, giá trị toàn cầu, đóng góp vào các chỉ số kinh tế quan trọng. Hơn nữa, đây là những doanh nghiệp có sứ mệnh mang dấu ấn Việt Nam, bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần củng cố vị thế kinh tế của Việt Nam trên toàn thế giới.

Chính vì vậy, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho những đối tượng này là cần thiết để tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, phát huy vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế, nâng cao vị thế quốc gia trong thời điểm, bối cảnh hiện tại và trong các giai đoạn sắp tới theo định hướng đề ra.

*(iii) Phản ứng của các quốc gia trong bối cảnh mới:*

Hiện nay, nhiều quốc gia đang chạy đua quyết liệt và thiết kế chính sách riêng để bắt kịp xu thế trên. Theo đó, các quốc gia đang áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư đa dạng; áp dụng song song cả ưu đãi về thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi về chi phí (hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư) để kết hợp hiệu quả, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Trong đó, ưu đãi dựa trên chi phí thường được sử dụng để góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Thực tế cho thấy, với chính sách linh hoạt, kết hợp cả ưu đãi theo thu nhập và ưu đãi về chi phí, nhiều nước đã thu hút được các dự án có quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

Cụ thể, Thái Lan đã chấp thuận phân bổ 50% - 70% số tiền thu thuế bổ sung vào “Quỹ nâng cao năng lực” để hỗ trợ doanh nghiệp. Các khoản hỗ trợ dự kiến là bằng tiền hoặc tương đương tiền theo các điều kiện cụ thể; theo đó, dự kiến sẽ công bố các biện pháp này vào cuối năm 2024 và hiệu lực vào 2025. Tại Singapore, Chính phủ đã công bố Ngân sách năm 2024 trong đó có đề cập đến các định hướng chính sách hỗ trợ đầu tư đối ứng với chính sách thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đó, Singapore sẽ ban hành chính sách Refundable Investment Credit (“RIC”) hỗ trợ tới 50% các chi phí đủ điều kiện trong các lĩnh vực kinh tế cốt lõi, các khoản đầu tư mới, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và duy trì nền kinh tế cạnh tranh. Các hướng dẫn chi tiết hơn sẽ được ban hành vào quý 3 năm 2024.

Có thể thấy, bối cảnh thế giới hiện tại có nhiều xu hướng đầu tư mới vào các lĩnh vực công nghệ cao có giá trị gia tăng rất cao như chip, bán dẫn… Việt Nam cũng không đứng ngoài cuộc chơi đó, mà cần phải tận dụng cơ hội hiện tại, các biện pháp ngoại giao về kinh tế trong thời gian vừa qua để đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ đầu tư để duy trì, mở rộng và thu hút dự án đầu tư trong những lĩnh vực ưu tiên này về Việt Nam.

*(iv)* *Xây dựng các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành chính sách của Nghị quyết quốc hội*

Nghị định này được ban hành nhằm quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành những nội dung được giao trong Nghị quyết 110/2023/QH15. Trước đó, theo nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết 68/2022/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 *“nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu đến thu hút đầu tư vào Việt Nam để có các giải pháp phù hợp”,* cơ quan chủ trì đã nghiên cứu và đề xuất chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư trong bối cảnh mới. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo[[6]](#footnote-6) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề xuất giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã xây dựng Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao[[7]](#footnote-7) gửi các Bộ ngành và cơ quan liên quan để góp ý. Theo đó, Bộ KHĐT đã có các phân tích đánh giá tác động của chính sách trên những khía cạnh quan trọng (như đối với NSNN của việc thực hiện chính sách, làm rõ quy trình, thủ tục ngân sách, nguồn lực thực hiện hằng năm, thẩm quyền quyết định chi, cách thức chi hỗ trợ bằng tiền…), đánh giá toàn diện hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành để đưa ra giải pháp tổng thể nhằm duy trì và tăng cường môi trường đầu tư, đánh giá toàn diện về kết quả, thực trạng thi hành pháp luật và các vấn đề liên quan đến chính sách.

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ đã có các văn bản trình[[8]](#footnote-8) báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đề xuất xây dựng Nghị quyết về hỗ trợ đầu tư trong một số lĩnh vực mũi nhọn, theo đó đã có dự thảo Nghị định quy định chi tiết về hỗ trợ đầu tư kèm theo. Sau khi xem xét, UBTVQH đã cho ý kiến và quyết nghị đưa nội dung nêu trên tại Nghị quyết 110/2023/QH15 kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV: *“Đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư … để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư …”.*

Chính vì vậy, việc xây dựng Nghị định này là bước nối tiếp từ đề xuất xây dựng chính sách trước đó. Nói cách khác, đề nghị xây dựng chính sách này đã được hoàn thiện và được sự đồng ý về chủ trương của Quốc hội để giao Chính phủ xây dựng Nghị định quy định các biện pháp cụ thể tổ chức thi hành chính sách này. Điều này đảm bảo tính cần thiết và căn cứ xây dựng, ban hành Nghị định là phù hợp với quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn tiếp tục xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục tiêu xây dựng Nghị định**

- Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam: ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư

- Thu hút đầu tư có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

- Góp phần thúc đẩy phát triển một số doanh nghiệp lớn trong nước có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, trọng yếu, có vị thế quan trọng trong chuỗi giá trị công nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn;

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Phù hợp với định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

- Phù hợp với định hướng xây dựng các chính sách để hình thành, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh ngang tầm mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới tại Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị và các định hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022.

- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

- Phù hợp với quy tắc thuế TTTC thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế TTTC, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

- Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này hướng dẫn về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ hỗ trợ đầu tư, các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Chính sách 1: Quy định về thành lập, quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư**

***1.1. Mục tiêu của chính sách***

(1) Thành lập được Quỹ hỗ trợ đầu tư, mô hình của Quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật.

(2) Bộ máy quản lý Quỹ gọn nhẹ hiệu quả, không làm tăng thêm nhiều biên chế.

(3) Quỹ hoạt động đảm bảo đúng mục tiêu, hỗ trợ đúng đối tượng, cân đối được thu chi.

(4) Đảm bảo tính khả thi khi thực hiện, chi được hỗ trợ cho các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ.

***1.2. Nội dung của chính sách***

(1) Xây dựng mô hình hoạt động của Quỹ, địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, bộ máy quản lý.

(2) Xây dựng nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ, quyền hạn , trách nhiệm của các vị trí quản lý của Quỹ.

(3) Quy định phương thức hỗ trợ của Quỹ.

(4) Quy định về cơ chế tài chính (nguồn ngân sách cấp cho Quỹ, dự toán ngân sách, chi hỗ trợ doanh nghiêp, chi quản lý Quỹ), chế độ kế toán, quyết toán, kiểm toán và công khai minh bạch thông tin của Quỹ.

***1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn***

***1.3.1. Về địa vị pháp lý***

Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước, mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và hoạt động theo quy định tại Nghị định này. Theo đó, Quỹ hoạt động theo các quy định đặc thù tại Nghị định và các quy định khác có liên quan.

Quỹ hoạt động theo mô hình là đơn vị trực thuộc Bộ tài chính.

*Lý do đề xuất:*

Quỹ Hỗ trợ đầu tư có một số đặc điểm sau: (i) Sử dụng NSNN để chi hỗ trợ cho doanh nghiệp; (2) Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ chủ yếu có nguồn gốc từ thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế của OECD; (iii) Ngân sách của Quỹ phải được bổ sung hằng năm căn cứ trên số tiền thuế bổ sung thu được và các nguồn NSNN khác; (iv) Quỹ không có hoạt động nghiệp vụ phát sinh thêm các nguồn thu khác.

Các phương án tổ chức mô hình hoạt động của Quỹ trên cơ sở tham khảo các quỹ khác đang được vận hành sẽ có ưu và nhược điểm như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đơn vị sự nghiệp** | **Công ty TNHH 1 TV** | **Đơn vị thuộc Bộ** |
| **Ưu điểm** | NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao. Do đó, vẫn có cơ sở để NSNN cấp hằng năm cho Quỹ trên cơ sở nguồn thu thuế bổ sung | Hoạt động chi (ngoài ngân sách) không chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN | Không phát sinh thêm bộ máy, nhân sự  NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao. |
| **Nhược điểm** | Không cung cấp dịch vụ công nên chưa phù hợp với nhiệm vụ, chức năng của đơn vị sự nghiệp.  Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực.  Có thể vẫn phát sinh các vướng mắc về sử dụng NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Quỹ. | NSNN chỉ hỗ trợ vốn điều lệ ban đầu. Quỹ hoạt động dựa trên trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn do đó sẽ không có cơ sở để để NSNN cấp hằng năm.  Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực | Hoạt động chi chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN do đó sẽ phát sinh các vướng mắc liên quan đến (i) phân loại chi (đầu tư hay thường xuyên), (ii) lập dự toán, (iii) đối tượng nhận NSNN là doanh nghiệp.  Nghị quyết Quốc hội giao Chính phủ thành lập Quỹ |

Để đảm bảo nhiệm vụ Quốc hội đã giao cho Chính phủ tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 và phù hợp với các đặc điểm của Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ hỗ trợ đầu tư hoạt động theo mô hình là đơn vị trực thuộc Bộ tài chính là phù hợp.

***1.3.2. Về bộ máy quản lý***

Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng cán bộ, công chức của Bộ Tài chính, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, một số vị trí chuyên trách. Bộ Tài chính quy định chi tiết về cơ cấu, tổ chức của Quỹ hỗ trợ đầu tư đảm bảo tinh gọn và hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, cần đảm bảo Quỹ là một đơn vị có tư cách pháp nhân để việc chi từ Quỹ cho doanh nghiệp thực hiện được theo nội dung Nghị định mà không có vướng mắc về các quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

*Lý do đề xuất*

Tận dụng nguồn nhân lực sẵn có của cơ quan chủ quản của Quỹ, đảm bảo tinh gọn, công khai, minh bạch phù hợp với các nguyên tắc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17 tháng 4 băn 2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đản khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cảu hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

***1.3.3. Về nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ quyền hạn, phương thức chi hỗ trợ***

Nguyên tắc hoạt động: (i) không vì mục đích lợi nhuận; (ii) chịu trách nhiệm trong phạm vi hỗ trợ của mình; (ii) hỗ trợ đúng đối tượng đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định này

Nhiệm vụ của Quỹ: (i) tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, thực hiện chi hỗ trợ đầu tư đúng cho các đối tượng đáp ứng điều kiện và được hưởng hỗ trợ; (ii) Hỗ trợ Hội đồng xét duyệt lựa chọn tư vấn thẩm tra; và (iii) lập dự toán ngân sách, đề nghị bổ sung ngân sách (nếu cần), báo cáo quyết toán ngân sách.

Phương thức chi hỗ trợ: Quỹ chi hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ sau khi số tiền hỗ trợ đã được xét duyệt và quyết định bởi Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

*Lý do đề xuất:* để phù hợp với mục tiêu của chính sách.

***1.3.4. Về dự toán và thu chi ngân sách***

Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ hàng năm từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn khác. Tháng 1 hàng năm ngân sách nhà nước cấp tiền cho Quỹ.

Dự toán ngân sách được lập dựa vào ước tính số thu thuế. Trường hợp dự toán thấp hơn số thu thuế thực tế và không đủ chi hỗ trợ Quỹ cần có một tỷ lệ dự phòng cần thiết hoặc đề xuất bổ sung ngân sách từ nguồn dự phòng để đảm bảo chi hỗ trợ.

Trường hợp cần bổ sung ngân sách Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính Phủ quyết định.

**2. Chính sách 2: Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.**

**2.1 Mục tiêu của chính sách**

Thành lập hội đồng xét duyệt hỗ trợ để thẩm định và xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp để đảm bảo chặt chẽ và khách quan dựa trên ý kiến của nhiều thành viên hội đồng.

**2.2. Nội dung chính sách:** (i) Thành lập hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư; (ii) Cơ chế làm việc của Hội đồng; và (iii) Quyền hạn trách nhiệm của các thành viên hội đồng

**2.3.** **Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

- Hội đồng xét duyệt được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tài Chính; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ và các Bộ ngành, các cơ quan liên quan do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo đề nghị của Quỹ hỗ trợ đầu tư.

- Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Ý kiến các thành viên Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

- Nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt là thẩm định, phê duyệt đề nghị hỗ trợ đầu tư do các doanh nghiệp đề xuất và ban hành văn bản thông báo xét duyệt hỗ trợ đầu tư

**3. Chính sách 3: hỗ trợ đầu tư**

**3.1 Mục tiêu của chính sách**

- Khuyến khích thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và các doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong thông qua phương thức hỗ trợ bằng tiền từ chi từ Quỹ hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp

- Khuyến khích tập trung vào các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- Đối tượng, mức hỗ trợ đảm bảo tập trung, không dàn trải để tăng tính hiệu quả của chính sách và không ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước.

- Chính sách phù hợp với các quy định của OECD để không bị vô hiệu hóa bởi chính sách thuế tổi tiểu toàn cầu của OECD. Không vi phạm các cam kết quốc tế.

- Đảm bảo khả thi khi triển khai thực hiện.

**3.2 Nội dung của chính sách**

(1) Xây dựng tiêu chí và điều kiện xác định các doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ.

(2) Xây dựng chính sách hỗ trợ bằng tiền cho các chi phí thực tế đã phát sinh của doanh nghiệp (i) xác định các loại chi phí được hỗ trợ, (ii) các chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ, (iii) xác định đối tượng nào được hưởng hỗ trợ chi phí nào.

(3) Xây dựng mức hỗ trợ (tỷ lệ hỗ trợ) và điều kiện áp dụng với từng mức hỗ trợ.

(4) Xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình tự thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ.

(5) Xây dựng cách xử lý khi đề nghị hỗ trợ vượt quá khả năng chi trả của Quỹ.

**3.3 Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

**Về đối tượng**

Xem xét hỗ trợ đầu tư bao gồm: (i) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) Doanh nghiệp công nghệ cao; (iii) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; (iv) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển; (v) Doanh nghiệp có dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm và; (vi) Doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong.

*Lý do đề xuất:*

***(1)*** Tiêu chí xác định doanh nghiệp cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao, theo đó việc ưu đãi cho những đối tượng này sẽ không gây xáo trộn và tăng thêm nhiều thủ tục hành chính so với quy định hiện tại;

***(2)*** Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhắm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam. Đặc biệt, là trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như chíp, bán dẫn… khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam.

***(3)*** Phù hợp với tính chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh hỗ trợ dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế thấp nhất tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục của Chính phủ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về bán dẫn, điện tử, công nghiệp chế tạo, năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, môi trường v.v…theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phổ quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

***(4)*** Phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021.

***(5)*** Phù hợp với Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

**3.3.1. Về tiêu chí và điều kiện**

Tiêu chí, điều kiện để xác định được doanh nghiệp nên được tập trung khuyến khích đầu tư, ưu tiên dựa trên các tiêu chí đã được xây dựng trước đó và đưa thêm các tiêu chí nhằm đạt được mục tiêu chính sách đề ra. Một số tiêu chí phản ánh quy mô, hiệu quả hoạt động và đóng góp kinh tế xã hội đựa lựa chọn gồm : Doanh thu, quy mô vốn đầu tư, điều kiện giải ngân vốn đầu tư, số nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng ( phản ánh mức độ lan tỏa kết nối chuỗi cung ứng ).

***3.3.1.1. Tiêu chí vốn đầu tư và doanh thu***

Các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí về vốn đầu tư hoặc doanh thu như sau:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng.

b) Doanh nghiệp công nghệ cao đạt doanh thu từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc có dự án đầu tư với quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng.

c) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng;

d) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển với quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng.

*Lý do đề xuất:*

***(1)*** Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng[[9]](#footnote-9), 12.000 tỷ đồng[[10]](#footnote-10) và 30.000 tỷ đồng[[11]](#footnote-11). Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: ***(i)*** thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; ***(ii)*** khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư[[12]](#footnote-12) (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

***(2)*** Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp[[13]](#footnote-13). Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam. Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế TTTC được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

***3.3.1.2. Điều kiện về giải ngân vốn đầu tư***

Các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ do đáp ứng tiêu chí vốn đầu tư thì còn phải đồng thời thỏa mãn điều kiện về giải ngân như sau:

Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hay giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương từ ngày Nghị định này có hiệu lực phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp lần đầu.

Đối với các dự án đầu tư đã đăng ký vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương được cấp lần đầu hoặc điều chỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thời hạn hoàn thành giải ngân thực hiện theo các văn bản đã được cấp.

Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng cần hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

*Lý do đề xuất:*

***(1)*** Đối với tiêu chí về giải ngân, theo quan sát, đã có nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư theo chi phí để thu hút các dự án đầu tư lớn, như Indonesia với dự án của LG Chemical, Ba Lan với dự án của Intel, Malaysia với dự án của Tập đoàn bán dẫn AT&S của Áo, hay Mỹ với dự án của Vinfast. Thông tin hiện tại chưa được công bố về việc các quốc gia này thực hiện giải ngân thế nào, không loại trừ trường hợp giải ngân một khoản tiền lớn từ ban đầu thay vì theo từng năm. Tuy nhiên, với điều kiện của Việt Nam thì việc giải ngân khoản tiền lớn ngay từ khi nhà đầu tư đăng ký dự án đầu tư ban đầu là rất khó, gây rủi ro vượt quá năng lực tài chính của quỹ. Theo đó, hỗ trợ trên chi phí đều theo nguyên tắc chi trước – hỗ trợ sau có nghĩa là doanh nghiệp thực hiện các khoản chi phí trong năm rồi mới được nhà nước hỗ trợ theo từng năm.

***(2)*** Có hai loại chi phí được hỗ trợ trước khi doanh nghiệp hoàn thành giải ngân là hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội. Đây là loại hỗ trợ không chỉ mang tính chất hỗ trợ cho doanh nghiệp mà còn gián tiếp hỗ trợ nâng cao trình độ, tay nghề và mang lại phúc lợi cho người lao động Việt nam, theo đó mang lại lợi ích lâu dài cho Việt Nam. Mặc dù được chi hỗ trợ trước khi hoàn thành giải ngân theo tiến độ nhưng doanh nghiệp vẫn cần đảm bảo hoàn thành giải ngân theo quy định tại Nghị định này. Khi hậu kiểm nếu không đáp ứng điều kiện giải ngân doanh nghiệp phải hoàn trả lại ưu đãi.

**(3)** Điều kiện giải ngân vốn đầu tư nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiêm túc, có tiềm lực tài chính, hoàn thành giải ngân nhanh và đi vào hoạt động sớm. Những doanh nghiêp này sẽ nhanh chóng đi vào ổn định sản xuất và sớm có đóng góp kinh tế xã hội cho Việt nam. Quy định điều kiện về quy mô vốn đầu tư và điều kiện giải ngân cũng khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư để đạt quy mô vốn và tiến độ giải ngân để được hưởng hỗ trợ. Theo quy định, các dự án đã cấp trước và sau ngày nghị định này có hiệu lực nhưng đáp ứng hoặc điều chỉnh vốn đầu tư để đạt quy mô 12.000 tỷ sẽ được hỗ trợ nếu đáp ứng điều kiện giải ngân vốn đầu tư: (i) Hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau ngày Nghị định này có hiệu lực hoặc (ii) hoàn thành tiến độ giải ngân theo quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương đã được cấp, điều chỉnh đối với trường hợp dự án đầu tư được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

***3.3.1.3. Điều kiện về tuân thủ pháp luật***

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

**3.3.2. Về hình thức hỗ trợ**

Hình thức hỗ trợ một phần cho các chi phí đã thực tế phát sinh của doanh nghiệp bao gồm: (i) Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển; (iii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iv) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (v) Hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội;

Lý do đề xuất:

***(1)*** *Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:* (i) Phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao; (ii) Mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển; (iii) Phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới; (iv) Mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách, tránh trùng lặp với các khoản hỗ trợ ưu đãi đã được bố trí nguồn kinh phí khác để thực hiện.

***(2)*** *Về 05 hình thức hỗ trợ đầu tư* nêu trên được quyết định vì đáp ứng được các tiêu chí nêu trên, cụ thể:

- *Phù hợp với mục tiêu chính sách*: các khoản chi hoàn toàn phù hợp và mang tính thiết thực với các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao, cụ thể:

+ Loại hình ***(i)*** hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và ***(ii)*** hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển: phù hợp với tình hình thực tế của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao phải chi trả các khoản chi phí để đào tạo, phát triển nhân lực, và thực hiện các hoạt động nghiên cứu phát triển.

+ Loại hình ***(iii)*** hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và ***(iv)*** hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: là các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp, theo đó có tính khuyến khích, hỗ trợ thiết thực để doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh với lĩnh vực công nghệ cao;

+ Loại hình ***(v)*** hỗ trợ chi phí đầu tư các hệ thống công trình hạ tầng xã hội thì người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi được đảm bảo về chất lượng đời sống sinh hoạt.

- *Mang tính đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam*:Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất (“SBIE” – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia.

- *Phù hợp với thông lệ quốc tế và kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới*:Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách RIC hỗ trợ đầu tư trên chi phí của Singapore, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v…), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v…). Như vậy 05 khoản chi phí được đưa ra theo Nghị quyết là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới.

- *Mang tính chọn lọc, phù hợp ngân sách, tránh trùng lặp các khoản chi đã có nguồn kinh phí hỗ trợ khác*:05 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bội chi ngân sách. Trong khi đó, một số hình thức ưu đãi khác được đề cập tại Điều 18 Luật Đầu tư (ví dụ: chi phí chuyển giao công nghệ thì đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, theo đó nếu đưa vào thì sẽ gây trùng lặp, ảnh hưởng đến ngân sách hỗ trợ). Do đó, đề xuất chỉ tập trung ngân sách để hỗ trợ cho 05 hình thức **(i)** Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; **(ii)** Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển; **(iii)** Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; **(iv)** Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; **(v)** Chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

**3.3.2. Về phương thức hỗ trợ**

Phương thức: Chi hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho doanh nghiệp được hỗ trợ.

*Lý do đề xuất*

Có hai phương thức hỗ trợ phù hợp với quy định của OECD là Chi trực tiếp bằng tiền hoặc phương thức Cấn trừ với nghĩa vụ thuế đạt chuẩn (QRTC). Tuy nhiên, phương thức cấn trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp được đánh giá là khó thực hiện do cơ chế phân cấp ngân sách địa phương, trung ương không thực hiện được bù trừ và cơ chế bù trừ chưa được quy định trong quản lý thuế.

**3.3.4. Về các chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ**

Đối với mỗi hình thức hỗ trợ trên từng loại chi phí sẽ xây dựng quy định để xác định phạm vi chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ.

(1) Chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: bao gồm các chi phí đào tạo, chi phí hỗ trợ đào tạo, chi phí đào tạo khác.

(2) Chi phí nghiên cứu phát triển: bao gồm chi thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu phát triển, chi đào tạo nhân lực nghiên cứu phát triển, chi hợp tác nghiên cứu, chi phí bản quyền, chi khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, chi phí nghiên cứu phát triển khác và các chi phí nghiên cứu phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

(3) Chi phí đầu tư tài sản cố định: bao gồm chi đầu tư tài sản cố định tăng thêm trong năm xét hỗ trợ: Nguyên giá của tài sản cố định tăng thêm trong năm tài chính.

(4) Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: Tính trên phần giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao tại Việt Nam.

Phạm vi từng loại chi phí sẽ được quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định.

*Lý do đề xuất*

Đây là nội dung quan trọng, là căn cứ tính toán ra mức hỗ trợ cho doanh nghiệp nên cần quy định chi tiết để làm căn cứ tính toán và kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ.

**3.3.5. Về mức hỗ trợ và điều kiện tương ứng với từng mức hỗ trợ**

Để đảm bảo không ảnh hưởng đến ngân sách, mức hỗ trợ chỉ quy định mức tối đa mà doanh nghiệp có thể nhận được. Tùy theo tình hình ngân sách từng năm mà mức hỗ trợ nhận được có thể bằng hoặc thấp hơn mức tối đa.

Mức hỗ trợ tối đa cần được quy định cho từng loại chi phí được hỗ trợ. Mức hỗ trợ đối với mỗi loại chi phí sẽ quy định mức khác nhau với các đối tượng khác nhau.

Mức hỗ trợ có thể chia mức khác nhau đối với từng bậc chi phí phát sinh khác nhau nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động cần khuyến khích.

Quy định thêm các điều kiện về mức độ đáp ứng tiêu chí để phân loại đối tượng theo nguyên tắc mức độ đáp ứng tiêu chí cao sẽ được hưởng mức hỗ trợ cao.

Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí nghiên cứu phát triển

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc | Phần chi phí nghiên cứu và phát triển đã chi trong năm tài chính (tỷ đồng) | Tỷ lệ hỗ trợ tối đa (%)  Áp dụng đối với DN CNC/ứng dụng CNC | Tỷ lệ hỗ trợ tối đa (%)  Áp dụng đối với DN sản xuất sản phẩm CNC | Tỷ lệ hỗ trợ tối đa (%)  Áp dụng đối với Trung tâm R&D |
| 1 | Đến 120 | xx | xx | xx |
| 2 | Từ 120 đến 240 | xx | xx | xx |
| 3 | Trên 240 | xx | xx | xx |

Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí đầu tư tài sản cố định

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bậc | Phần chi phí nguyên giá tài sản cố đinh đầu tư trong năm | Tỷ lệ hỗ trợ tối đa (%)  Áp dụng đối với DN CNC/ứng dụng CNC | Tỷ lệ hỗ trợ tối đa (%)  Áp dụng đối với  DN sản xuất sản phẩm CNC |
| 1 | Đến 120 | xx | xx |
| 2 | Trên 120 đến 240 | xx | xx |
| 3 | Trên 240 | xx | xx |

Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Áp dụng đối với DNCNC, DN có dự án UD CNC | | Áp dụng đối với DN sản xuất sản phẩm CNC | |
| Mức hỗ trợ 1 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng | Mức hỗ trợ 2 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng | Mức hỗ trợ 1 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng | Mức hỗ trợ 2 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng |
| xx | xx | xx | xx |
| Nếu đáp ứng điều kiện chung | Nếu đáp ứng điều kiện cao về doanh thu, nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng. | Nếu đáp ứng điều kiện chung | Nếu đáp ứng điều kiện cao về doanh thu, nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng. |

**3.3.6. Về phương án xử lý khi Quỹ khi đề nghị hỗ trợ vượt khả năng chi trả của Quỹ:**

Về cơ bản hỗ trợ cho doanh nghiệp chỉ giới hạn trong khả năng của Quỹ lấy từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung. Tuy nhiên, do chênh lệch về thời gian lập dự toán và thời gian thu thuế nên có thể phát sinh số tiền ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ thấp hơn so với số thu thuế. Do đó, trường hợp mức đề nghị hỗ trợ cao hơn so với khả năng của Quỹ sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ như sau:

(i) Hội đồng xét duyệt quyết định chỉ chi trả hỗ trợ trong khả năng của Quỹ. Hội đồng sẽ quyết định mức hỗ trợ cho từng doanh nghiệp.

(ii) Hội đồng xét duyệt đề xuất bổ sung ngân sách từ nguồn dự phòng để chi trả hỗ trợ theo mức ngân sách sau khi được bổ sung.

**3.3.7. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ được xây dựng chi tiết trong dự thảo Nghị định đảm bảo đầy đủ, chính xác và minh bạch và dễ thực hiện.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản**

- Từ nguồn ngân sách trung ương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án xây dựng Nghị định của Chính phủ về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư như sau:

- Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư trong tháng 5 năm 2024.

- Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về nội dung tại Nghị định vào tháng 5 năm 2024. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện và trình Chính phủ thông qua Nghị định vào tháng 6 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan TW: TC, KHCN, TN&MT, CT, XD, GTVT, LĐTBXH, GD&ĐT, TT&TT, NG, TP, NV, NHNN;  - Lưu: VT, ĐTNNDA | **BỘ TRƯỞNG** |
| **Nguyễn Chí Dũng** |

1. Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh). [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo OECD: <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm> [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo OECD: <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf> [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 – 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 – 2025; 30 – 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 – 2030. [↑](#footnote-ref-4)
5. Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-5)
6. Các văn bản số: (i) 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023; (ii) 388/BKHĐT-ĐTNN ngày 09/6/2023 và (iii) 513/BC-BKHĐT ngày 13/7/2023. [↑](#footnote-ref-6)
7. Gửi kèm theo công văn số 6572/BKHĐT-ĐTNN ngày 14/8/2023. [↑](#footnote-ref-7)
8. Tại các Tờ trình 369/TTr-CP ngày 05/8/2023, Tờ trình 414/TTr-CP ngày 30/8/2023. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 15 Luật Đầu tư 2020. [↑](#footnote-ref-9)
10. Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014) [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 20 Luật Đầu tư 2020. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-13)